

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.109.000	11.774.541	193	96
I	Thu cân đối NSNN	6.109.000	8.416.443	138	100
1	Thu nội địa	5.709.000	7.956.443	139	101
2	Thu từ dầu thô	-	-		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	400.000	460.000	115	84
4	Thu viện trợ	-	-		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	3.358.098		87
B	TỔNG CHI NSDP	14.632.237	20.345.744	139	93
I	Tổng chi cân đối NSDP	11.772.871	14.999.266	127	99
1	Chi đầu tư phát triển	1.486.886	2.577.975	173	86
2	Nguồn chi thường xuyên	10.051.201	12.420.091	124	102
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-	-		#####
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	100	100
5	Dự phòng ngân sách	233.584		-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.859.366	2.319.622	81	74
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	24.700	24.700	100	112
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	28.100	23.570	84	94

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2023**

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN	6.109.000	8.416.443	149	100
I	Thu nội địa	5.709.000	7.956.443	149	101
1	Thu từ khu vực DN do NN giữ vai trò chủ đạo TW quản lý	450.000	469.275	110	107
2	Thu từ khu vực DN do NN giữ vai trò chủ đạo ĐP quản lý	65.000	61.663	44	103
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	280.000	280.000	106	112
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.638.000	2.231.246	151	112
5	Thuế thu nhập cá nhân	470.000	623.519	162	97
6	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	25.000	39.200	108	151
7	Tiền sử dụng đất	1.000.000	2.091.089	415	77
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000	21.500	109	179
9	Tiền cho thuê mặt đất, thuê mặt nước	155.000	235.000	125	118
10	Lệ phí trước bạ	370.000	400.478	129	89
11	Thuế bảo vệ môi trường	870.000	565.000	52	87
12	Thu phí và lệ phí	125.000	166.174	93	133
13	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tài nguyên nước	30.000	550.000	250	917
14	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, tiền bán bớt phần vốn NN	-	1.500		37
15	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	13.100	13.800	100	99
16	Thu khác ngân sách	206.900	207.000	124	90
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	400.000	460.000	153	84
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5.151.000	7.409.569	164	101
1	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	3.365.000	4.840.458	144	98
2	Thu NSDP hưởng 100%	1.786.000	2.569.111	144	109

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2023**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	14.632.237	20.345.744	139	93
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.772.871	14.999.266	127	99
I	Chi đầu tư phát triển	1.486.886	2.577.975	173	86
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	10.051.201	12.420.091	124	102
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.374.610	5.048.439	115	107
2	Chi khoa học và công nghệ	41.875	44.875	107	109
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	803.012	906.535	113	100
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	184.216	184.216	100	100
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.215	36.215	100	100
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	42.176	42.653	101	100
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.415.381	3.025.887	214	100
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.878.501	2.085.501	111	100
10	Chi bảo đảm xã hội	634.216	767.571	121	100
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-	-		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	100	100
V	Dự phòng ngân sách	233.584	-	-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.859.366	2.319.622	81	81
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		3.026.856		84
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	28.100	23.570		